



THỰC TRẠNG ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ SỐNG CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Thị Bích Phượng

Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 27/02/2016

Ngày chấp nhận: 25/07/2016

Title:

The current situation of orientation life value of students at Can Tho University

Từ khóa:

Giá trị sống, định hướng, định hướng giá trị sống, sinh viên, nhận thức

Keywords:

Life value, orientation, orientation life value, awareness, student

ABSTRACT

This article presents the current situation of orientation life value of students at Can Tho University. The contents of researcher are students' awareness about the concept of life value, the concept of orientation life value, the kinds of life values, the students' attitude about the orientation life value, the life values, the kinds of life values. The theoretical research methods, questions research methods and statistical analysis by SPSS for Windows were used. The data collected included qualitative and quantitative ones. The results from this research showed that there were 57.7% students understanding exactly the concept of life value. Students asserted that patriotism, responsibility, freedom and happiness were the most importance life values. There were 78.2% students understanding exactly the concept of orientation life value. The mean [That]of students' awareness about necessary of life values was 4.14. That of students' necessary of orientation life value was 4.29. And that of students' significance of orientation life value was 4.2. The mean of students' interest in orientation life value was 4.02, while that of students' interest in life values was 4.29. The mean of students' oftenly orientating life values was 3.47, and that of students orientating exactly life values was 3.68. In addition, that of students' emplementing life values was 3.99. The group of fators impacting on orientation life value of students included family, school and society.

TÓM TẮT

Bài báo trình bày thực trạng định hướng giá trị sống của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ. Nội dung nghiên cứu là nhận thức của sinh viên về khái niệm giá trị sống và định hướng giá trị sống, các loại giá trị sống, thái độ của sinh viên đối với việc định hướng giá trị sống và các giá trị sống, định hướng giá trị sống. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu lí luận và phương pháp nghiên cứu bằng bảng hỏi và sử dụng phần mềm SPSS FOR WINDOW để xử lý số liệu. Loại dữ liệu thu thập là cả dữ liệu định tính và dữ liệu định lượng. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 57,7% sinh viên hiểu đúng về khái niệm giá trị sống. Giá trị yêu nước, trách nhiệm, tự do và hạnh phúc là những giá trị được sinh viên cho là quan trọng nhất. Có 78,2% sinh viên hiểu đúng khái niệm định hướng giá trị sống. Điểm trung bình (\bar{X}) nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của các giá trị sống là 4.14 và tầm quan trọng của định hướng giá trị sống là 4.29. Sinh viên thấy được ý nghĩa của định hướng giá trị sống có \bar{X} là 4.2. Sự quan tâm của sinh viên đối với định hướng giá trị sống có \bar{X} là 4.02. Sinh viên quan tâm đến các giá trị sống có \bar{X} là 4.29. Sinh viên thường xuyên định hướng giá trị sống có \bar{X} là 3.47. Mức độ sinh viên định hướng giá trị đúng cách có \bar{X} là 3.68. Điểm trung bình sinh viên thể hiện các giá trị là 3.99. Các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị sống của sinh viên bao gồm gia đình, nhà trường và xã hội.

Trích dẫn: Nguyễn Thị Bích Phượng, 2016. Thực trạng định hướng giá trị sống của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 44c: 30-44.

1 GIỚI THIỆU

Thực trạng định hướng giá trị sống của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ được nghiên cứu trên cơ sở lý thuyết về định hướng giá trị sống. Giá trị sống được thể hiện trên cả ba mặt của đời sống tâm lý: nhận thức, thái độ và hành động. Nghiên cứu đã sử dụng phối hợp các phương pháp nghiên cứu lý luận và nghiên cứu thực tiễn. Số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS for Window 16.0.

Ở nước ngoài có nhiều cách hiểu khác nhau theo hướng giá trị. Đối với khái niệm **giá trị**, trong Tiếng Anh có hai thuật ngữ mang nghĩa “giá trị” đó là value và worth. Từ điển Oxford (1952) dùng thuật ngữ này định nghĩa cho thuật ngữ kia. Tuy nhiên, hai thuật ngữ này cũng mang ý nghĩa khác nhau: value chỉ có nghĩa là giá trị, giá cả, ý nghĩa; còn worth thì ngoài nghĩa là giá trị, còn có nghĩa là phẩm chất, phẩm giá. Tsunesaburo Makiguchi (1994) rất quan tâm đến vấn đề giáo dục giá trị, ông định nghĩa “*Giá trị là sự thể hiện có tính định hướng mối quan hệ giữa chủ thể đánh giá và đối tượng của việc đánh giá*” [9, tr 104]. C.Kluckhohn xem “*giá trị là khái niệm hiện hoặc ẩn liên quan đến nguyện vọng xác định của cá nhân hay tập thể, đem lại ảnh hưởng cho khả năng cũng như cách chọn lựa phương tiện và mục đích của hành vi*” [3, tr 38]. Linton thì định nghĩa giá trị ở phạm vi rộng hơn “*giá trị là tất cả những yếu tố tồn tại chung trong một loạt tình huống, gợi lên những phản ứng bên trong của cá nhân*” [3, tr 38]. Ở Mỹ vấn đề giáo dục giá trị sống rất được quan tâm. Giáo dục giá trị được tiến hành thông qua chương trình giáo dục tính cách theo quy định của chính quyền các bang. Tại bang Georgia Hội đồng giáo dục soạn ra 26 giá trị: can đảm, lòng yêu nước, tinh thần công dân, chính trực, lịch thiệp, kính trọng người khác, tính sáng tạo, nhẫn nại, sạch sẽ... Trong chương trình này đề ra một kế hoạch triển khai rất cụ thể, từ xây dựng chương trình, tài liệu giảng dạy, các hoạt động... đến đào tạo thầy giáo, ngân sách, cách đánh giá rõ ràng [3, tr 257].

Ở trong nước, theo Phạm Minh Hạc (2012), “*giá trị là cái quy định mục đích của hoạt động*” [3, tr22]. Theo Phạm Thành Nghị (2013) “*giá trị là những cái có ý nghĩa phản ánh trong niềm tin, thái độ, mục đích, cảm xúc đã được đánh giá, lựa chọn phản ánh mối quan hệ chủ thể – khách thể trong những điều kiện lịch sử, xã hội, phụ thuộc vào trình độ phát triển nhân cách*” [5, tr 236]. Theo Huỳnh Văn Sơn (2012), “*Giá trị là những cái hữu ích, cần thiết, có ý nghĩa đối với một cá nhân, tập thể và xã hội. Nó có thể là mục đích để con người*

vươn tới hay là điều kiện để con người đạt được mục đích nào đó. Nó phản ánh mối quan hệ giữa chủ thể và sự vật trong một điều kiện xã hội nhất định và phụ thuộc vào trình độ phát triển của nhân cách cũng như trình độ phát triển của xã hội” [6, tr165]. Mỗi tác giả diễn đạt khái niệm giá trị theo những cách khác nhau. Makiguchi xem giá trị có ý nghĩa định hướng cho hoạt động. Phạm Minh Hạc xem giá trị quy định mục đích của hoạt động. Nguyễn Công Khanh thì cho rằng giá trị là “*những cái cần thiết, có ý nghĩa và chi phối hành động*”. Phạm Thành Nghị và Huỳnh Văn Sơn xem giá trị là sự lựa chọn trên cơ sở được đánh giá, lựa chọn và trở thành mục đích định hướng cho hoạt động. Các tác giả xem xét giá trị ở nhiều khía cạnh khác nhau. Giá trị khi được mỗi cá nhân xem xét, phân tích, đánh giá và lựa chọn làm mục tiêu trong quá trình hoạt động trở thành giá trị sống của mỗi cá nhân. Bàn về khái niệm giá trị sống Nguyễn Công Khanh (2012) cho rằng “*giá trị sống là thứ được cá nhân nhận thức là rất quan trọng, rất cần thiết, rất có ý nghĩa, luôn mong đợi, chúng có khả năng chi phối thái độ, xúc cảm, tình cảm, hành vi của một cá nhân trong cuộc sống hằng ngày*” [4, tr 32]. Kế thừa quan niệm của các tác giả [3], [4], [5], [6], [8], có thể xem giá trị là những điều quan trọng, có ích, có ý nghĩa, cần thiết. Khi cá nhân nhận thức được điều gì là quan trọng, điều gì là có ích, có ý nghĩa, cần thiết đối với bản thân sẽ trở thành giá trị sống của bản thân. Tóm lại, **giá trị sống là những mong muốn, là điều cá nhân cho là quan trọng, có ích, có ý nghĩa, cần thiết trong cuộc sống của bản thân cần được giữ gìn bảo vệ trên cơ sở lựa chọn những giá trị chung của xã hội.**

Định hướng giá trị theo Hà Nhật Thăng (2000) “*là một hệ thống giá trị chuẩn phù hợp với yêu cầu xã hội, có tính phổ biến, được nhiều người thừa nhận, công nhận và tuân thủ thực hiện. Hệ thống giá trị đó có tác dụng vừa như là mục tiêu, đối tượng phải chiếm lĩnh, vừa như là động cơ thúc đẩy con người nhận thức hoạt động để hoàn thiện nhân cách, phát huy vai trò chủ thể của con người trong sự phát triển cá nhân, xã hội và tự nhiên*” [7, tr 65]. Phạm Thành Nghị (2013) xem “*định hướng giá trị là khuynh hướng hay thái độ của cá nhân, cộng đồng hay nhóm xã hội lựa chọn những giá trị nhất định phù hợp trong những hoàn cảnh xã hội – lịch sử nhất định*” [5, tr 237]. Huỳnh Văn Sơn (2012) quan niệm “*định hướng giá trị là một hệ thống giá trị chuẩn mực của xã hội được chuyển thành hệ giá trị của cá nhân qua quá trình xã hội hóa, là cơ sở, mục tiêu và động lực trong mọi hoạt động lựa chọn giá trị của con người*” [6, tr176].

Có nhiều cách diễn đạt khái niệm định hướng giá trị khác nhau nhưng điểm chung của các tác giả đều xem định hướng giá trị là hệ thống những chuẩn mực, là mục tiêu được cá nhân thừa nhận, lựa chọn trở thành động lực định hướng cho mọi hành vi hoạt động. Trong quá trình sống và tham gia các hoạt động, mỗi cá nhân lựa chọn cho mình hệ thống những chuẩn mực, những giá trị làm mục tiêu sống, làm mục tiêu phấn đấu, những giá trị sống ấy sẽ định hướng cho hoạt động của mỗi cá nhân. Tuy nhiên, không phải giá trị nào cũng có vị trí ngang bằng với nhau vì vậy đòi hỏi mỗi cá nhân cần phải sắp xếp các giá trị mà bản thân lựa chọn theo thang bậc nhất định. Từ sự phân tích trên có thể hiểu **định hướng giá trị sống là hệ thống các giá trị được cá nhân lựa chọn, sắp xếp theo hệ thống thứ bậc mà bản thân cho là có ích, cần thiết, quan trọng; là những mong muốn trên cơ sở hệ giá trị chung của xã hội.**

Đối với cách phân loại giá trị sống, dựa trên hệ thống thang bậc giá trị đã sắp xếp theo thứ tự thiện, ích, mỹ T.Makiguchi (1994) chia giá trị thành 3 loại bao gồm giá trị kinh tế, giá trị đạo đức và giá trị thẩm mỹ. Dựa vào sự chi phối của giá trị trên hệ thống hành vi của con người, M.Robin và J.R. William phân thành 4 loại bao gồm: hành vi cơ thể, hành vi nhân cách, hành vi văn hoá và các hành vi xã hội (giá trị tồn tại sinh học, các giá trị tính cách và các giá trị xã hội) [theo Phạm Thành Nghị]. Phạm Minh Hạc (2012) phân loại giá trị theo các nhóm bao gồm: hệ giá trị phổ quát của nhân loại, hệ giá trị của xã hội hiện đại, hệ giá trị của xã hội thời quá độ, hệ giá trị các thành phần theo cơ cấu xã hội, hệ giá trị của nhóm. Theo Thái Duy Tuyên (2001) chia giá trị thành hai hệ thống: hệ thống giá trị truyền thống (lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, tự lực, tự cường, nhân ái, vị tha, độ lượng, hiếu học, đoàn kết, cần kiệm, kiên trì, cởi mở...), hệ thống giá trị hiện đại (hòa bình, tự do, công bằng, bình đẳng, năng động, tự lập...)[9, tr 125 – 126]. Nhiều nước trong khu vực (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Indônêxia, Philippin, Singapo...) đã thống nhất đưa ra 8 nhóm giá trị: nhóm giá trị liên quan đến quyền con người, nhóm giá trị liên quan đến dân chủ, nhóm giá trị liên quan đến sự hợp tác và hòa bình, nhóm giá trị liên quan đến bảo vệ môi trường, nhóm giá trị liên quan đến sự bảo tồn nền văn hóa, nhóm giá trị liên quan đến bản thân và người khác, nhóm giá trị liên quan đến tinh thần dân tộc, nhóm giá trị liên quan

đến tâm linh [dẫn theo Hà Nhật Thăng]. Chương trình giáo dục giá trị cuộc sống được sự hỗ trợ của UNESCO, sự tài trợ của Ủy ban UNICEF Tây Ban Nha đã đề xuất 12 giá trị căn bản: hòa bình, tôn trọng, yêu thương, khoan dung, trung thực, khiêm tốn, hợp tác, hạnh phúc, trách nhiệm, giản dị, tự do, đoàn kết [1]. Tuy có nhiều cách phân loại giá trị, trong đề tài này chúng tôi dựa vào 12 giá trị mà chương trình giáo dục giá trị cuộc sống đã đề xuất và chọn lọc những giá trị mà các tác giả đã phân loại liên quan đến phẩm chất của nhân cách làm nền tảng cho nghiên cứu định hướng giá trị sống của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để tìm hiểu thực trạng định hướng giá trị sống của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ, phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp nghiên cứu lí luận và phương pháp nghiên cứu thực tiễn. Nghiên cứu này đã tổng hợp những tài liệu liên quan đến định hướng giá trị sống. Nghiên cứu thực tiễn nhằm tìm hiểu thực trạng định hướng giá trị sống của sinh viên bằng phương pháp điều tra bảng hỏi. Bảng hỏi gồm 12 câu hỏi. Ngoài thông tin cá nhân nội dung bảng hỏi được thiết kế tìm hiểu nhận thức của sinh viên về khái niệm giá trị sống, khái niệm định hướng giá trị sống; tìm hiểu nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của các giá trị sống và ý nghĩa của định hướng giá trị sống; tìm hiểu mức độ quan tâm của sinh viên đối với định hướng giá trị sống; tìm hiểu mức độ định hướng giá trị sống của sinh viên và cách sinh viên định hướng giá trị sống; tìm hiểu nhận thức của sinh viên về các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị sống. Trên cơ sở chọn lọc thang giá trị của các tác giả Phạm Minh Hạc, Hà Nhật Thăng, Diane Tillman và các tác giả khác, nghiên cứu này đã liệt kê 31 giá trị sống và tìm hiểu nhận thức của sinh viên về mức độ quan trọng của các giá trị trong cuộc sống của bản thân. Số liệu được xử lý thống kê bằng phần mềm SPSS, tính tỉ lệ phần trăm, điểm trung bình của các thông số.

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát 376 khách thể đại diện, bao gồm sinh viên Khoa Sư phạm, Khoa Tự nhiên, Khoa Công nghệ, Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Khoa Chính trị, Khoa Kinh tế, Khoa Luật, Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên, Khoa Nông nghiệp và Sinh học Ứng dụng, Khoa Thủy sản. Lý do chúng tôi không thể khảo sát sinh viên Khoa Phát triển Nông

thôn vì những sinh viên khoa này học tại Khu Hòa An do đó không đủ điều kiện về mặt kinh phí và thời gian để khảo sát. Trong đó, sinh viên nữ là 211 chiếm 56,1%, sinh viên nam là 165 chiếm 43,9%. Khách thể thuộc dân tộc Kinh chiếm 94,9%, dân tộc Hoa 2,4 %, dân tộc Khmer 2,7%. Khách thể là sinh viên năm hai chiếm 43,6%, năm ba chiếm 33%, sinh viên năm tư chiếm 23,4%. Sinh viên năm thứ nhất không được chọn để khảo sát vì lý do thời điểm khảo sát của đề tài là vào khoảng tháng 9 năm 2015 do đó thời điểm này sinh viên chưa ổn định việc học tập nên khó để tiếp cận được với sinh viên năm thứ nhất. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng phương pháp thống kê và số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS For Window 16.0.

Bảng 1: Nhận thức của sinh viên về khái niệm giá trị sống

Khái niệm	Mức độ	Số lượng	%	\bar{X}	Độ lệch chuẩn
Giá trị sống là những mong muốn, là điều cá nhân cho là quan trọng, có ích, có ý nghĩa, cần thiết trong cuộc sống của bản thân cần được giữ gìn bảo vệ trên cơ sở lựa chọn những giá trị chung của xã hội.	Hoàn toàn không đồng ý	9	2,4	3.67	1.046
	Không đồng ý	41	10,9		
	Phân vân	109	29		
	Đồng ý	121	32,2		
	Hoàn toàn đồng ý	96	25,5		
	Tổng	376	100		

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy với khái niệm được đưa ra, có 32,2% SV “đồng ý” xem “giá trị sống là những mong muốn, là điều cá nhân cho là quan trọng, có ích, có ý nghĩa, cần thiết trong cuộc sống của bản thân cần được giữ gìn bảo vệ trên cơ sở lựa chọn những giá trị chung của xã hội” chiếm tỉ lệ lớn nhất, 25,5% sinh viên “hoàn toàn đồng ý” chiếm tỉ lệ lớn thứ hai, 29% sinh viên “phân vân” chiếm tỉ lệ lớn thứ ba, 10,9% sinh viên “không đồng ý” chiếm tỉ lệ lớn thứ tư và 2,4% sinh viên “hoàn toàn không đồng ý” chiếm tỉ lệ nhỏ nhất. Như vậy, có 57,7% số sinh viên hiểu đúng về khái niệm giá trị sống. Có 42,3% sinh viên chưa hiểu đúng về khái niệm giá trị sống. Đối với những sinh viên chưa hiểu đúng khái niệm giá trị sống cần tìm hiểu yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên về khái niệm giá trị sống để có những biện pháp tác động để họ hiểu đúng hơn về khái niệm giá trị sống. Sinh viên hiểu đúng về khái niệm giá trị sống là cơ sở lựa chọn những giá trị quan trọng cho bản thân. Trong hệ thống các giá trị có những giá trị mà cá nhân cho là quan trọng nhất, có những giá trị quan trọng thấp hơn. Chính sự nhận thức này sẽ chi phối hành động của sinh viên trong quá trình hoạt động. Để có cơ sở giúp sinh viên lựa chọn những giá trị bản thân cho là quan trọng trong cuộc sống cần nghiên cứu tìm hiểu nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của các giá trị sống.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Nhận thức của sinh viên về giá trị sống

3.1.1 Nhận thức của sinh về khái niệm giá trị sống

Khái niệm giá trị sống đầy đủ được hiểu là những mong muốn, là điều cá nhân cho là quan trọng, có ích, có ý nghĩa, cần thiết trong cuộc sống của bản thân cần được giữ gìn bảo vệ trên cơ sở lựa chọn những giá trị chung của xã hội. Thực tế cho thấy, muốn định hướng được giá trị sống cần hiểu biết về khái niệm giá trị sống. Để tìm hiểu nhận thức của sinh viên về khái niệm giá trị sống nghiên cứu này đã trình bày khái niệm giá trị sống và yêu cầu sinh viên lựa chọn theo 5 mức độ. Khảo sát 376 sinh viên và cho kết quả ở Bảng 1.

3.1.2 Nhận thức của sinh về tầm quan trọng của các giá trị sống

Để tìm hiểu nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của những giá trị sống, nghiên cứu này đã liệt kê 31 giá trị sống liên quan đến những phẩm chất của nhân cách. Khảo sát 376 sinh viên nam nữ Trường Đại học Cần Thơ và cho kết quả như ở Bảng 2.

Nhận thức được tầm quan trọng của các giá trị giúp sinh viên biết cách sắp xếp, lựa chọn những giá trị bản thân cho là quan trọng nhất. Nhìn vào kết quả ở Bảng 2 cho thấy 5 giá trị sinh viên xếp vị trí cao là giá trị “yêu nước” ($\bar{X} = 4.60$), giá trị “tự do” và giá trị “trách nhiệm” ($\bar{X} = 4.59$), giá trị “hạnh phúc” ($\bar{X} = 4.56$), giá trị “đanh dạn” ($\bar{X} = 4.55$). **Yêu nước** là giá trị mà sinh viên đề cao. Trong xã hội hiện đại, giá trị yêu nước thể hiện rõ ở thái độ của mỗi người đối với dân tộc. Xem trọng giá trị yêu nước giúp cho mỗi sinh viên luôn không ngừng phấn đấu để góp phần xây dựng và phát triển đất nước. **Tự do** cũng là giá trị được sinh viên đề cao. Trong công tác giáo dục định hướng giá trị điều quan trọng là cần giáo dục cho sinh viên hiểu rõ giá trị tự do phải gắn với giá trị trách nhiệm. Không nên hiểu giá trị tự do là muốn làm gì theo ý mình, bất cứ khi nào mình muốn và mình thích. **Hạnh phúc** là giá trị sống xếp vị trí thứ tư trong danh sách các giá trị được liệt kê. Hầu như mỗi

người trong cuộc sống đều hướng đến hạnh phúc vì vậy sinh viên xem trong giá trị hạnh phúc là điều hiển nhiên. **Trách nhiệm** là giá trị được đa số sinh viên xem trọng. Sinh viên là lớp thanh niên góp phần quan trọng đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nghèo nàn. Những sinh viên xem trọng giá trị trách nhiệm luôn nhận thấy được vai trò của bản thân đối với chính tương lai của mình, vai trò của bản thân đối với gia đình, xã hội và dân tộc. Đa số sinh viên xem giá trị trách nhiệm là giá trị quan trọng. Đây là tín hiệu vui chứng tỏ sinh viên nhận thấy được trách nhiệm của bản thân đối với gia đình, xã hội, dân tộc. Người có trách nhiệm là luôn nhận thức

được vai trò của bản thân trong công việc, nhận thức được trọng trách của bản thân đối với người khác. Giá trị trách nhiệm cũng là một trong 12 giá trị mà Chương trình Giáo dục giá trị sống mà UNICEF đã giới thiệu. **Danh dự** là một trong những giá trị quan trọng là một trong những giá trị sống được sinh viên xem trọng. Năm giá trị xếp vị trí thấp là giá trị “*cởi mở*” ($\bar{X} = 4.04$), giá trị “*khoan dung*” ($\bar{X} = 4.03$), giá trị “*biết hy sinh*” ($\bar{X} = 3.90$), giá trị “*giản dị*” ($\bar{X} = 3.85$), giá trị “*kín đáo*” ($\bar{X} = 3.84$).

Bảng 2: Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của các giá trị sống

TT	Các giá trị	Mức độ quan trọng					\bar{X}	Thứ hạng
		Hoàn toàn không quan trọng	Không quan trọng	Ít quan trọng	Khá quan trọng	Rất quan trọng		
1	Yêu nước	1,1	1,6	7,4	16,2	73,7	4.60	1
2	Trách nhiệm	0,8	1,6	5,6	22,1	69,9	4.59	2
3	Tự do	0	1,9	8,2	18,6	71,3	4.59	3
4	Hạnh phúc	0,5	2,4	7,4	19,4	70,2	4.56	4
5	Danh dự	0,8	2,4	6,1	21,8	68,9	4.55	5
6	Biết ơn	0,3	2,4	5,3	26,6	65,4	4.54	6
7	Hòa bình	0,5	2,7	12	18,1	66,8	4.48	7
8	Trung thực	1,1	2,4	8,0	25,3	63,3	4.47	8
9	Biết yêu thương	0,5	2,4	10,1	26,1	60,9	4.44	9
10	Tự trọng	0,5	1,3	10,4	31,4	56,4	4.42	10
11	Đoàn kết	0,5	0,5	10,6	37,2	51,1	4.37	11
12	Bình đẳng	0,8	3,5	12,8	26,9	56,1	4.34	12
13	Kiên trì	1,6	2,4	11,7	30,9	53,5	4.32	13
14	Năng động, sáng tạo	1,1	2,4	12	32,2	52,4	4.32	14
15	Chăm chỉ	2,4	2,7	9,8	31,6	53,5	4.31	15
16	Sống độc lập	0,5	3,5	12,2	31,9	51,9	4.31	16
17	Tính kỷ luật cao	0,5	3,7	10,6	36,2	48,9	4.29	17
18	Công lý	0,8	4,0	14,9	29	51,3	4.26	18
19	Trung thành	1,1	2,9	13,6	35,1	47,3	4.25	19
20	Thận trọng	0,5	2,4	15,4	38	43,6	4.22	20
21	Tự tin	0,8	4,3	15,7	32,4	46,8	4.20	21
22	Tiết kiệm	1,3	2,4	18,1	32,2	46	4.19	22
23	Hợp tác	1,3	1,9	14,1	42,6	40,2	4.18	23
24	Tích cực hoạt động	0,8	4,3	15,2	37,5	42,3	4.16	24
25	Có tâm hồn trong sáng	1,3	5,3	14,9	36,2	42,3	4.13	25
26	Khiêm tốn	0,3	3,2	18,6	40,4	37,5	4.12	26
27	Cởi mở	1,1	4,0	22,1	35,1	37,8	4.04	27
28	Khoan dung	1,1	3,7	22,1	37,5	35,6	4.03	28
29	Biết hy sinh	1,6	4,5	25	39,1	29,8	3.90	29
30	Giản dị	0,3	6,1	29,3	37,0	27,4	3.85	30
31	Kín đáo	2,1	7,2	25,3	34,6	30,9	3.84	31
Tổng							4.14	

Như vậy, đa số sinh viên đều nhận thức được tầm quan trọng của các giá trị ($\bar{X} = 4.14$). Với

những sinh viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của các giá trị sống cần tìm hiểu rõ nguyên

nhân sinh viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của các giá trị sống để có cơ sở đề xuất những biện pháp giáo dục giúp sinh viên nhận thấy tầm quan trọng của các giá trị sống để từ đó biết cách lựa chọn được những giá trị bản thân cho là quan trọng. Tuy nhiên, cuộc sống là một dòng các hoạt động và trong mỗi giai đoạn của đời người có những giá trị được ưu tiên hoặc có những giá trị quan trọng nhưng ưu tiên ở vị trí thấp hơn. Hoặc tùy vào đặc điểm nhận thức, đặc điểm tính cách, khí chất mà mỗi cá nhân có những thang giá trị khác nhau trên cơ sở lựa chọn hệ thống giá trị xã hội. Câu hỏi đặt ra cho người nghiên cứu là liệu rằng sinh viên hiểu biết đúng về khái niệm định hướng giá trị sống, sự quan tâm của sinh viên đến việc định hướng giá trị sống và sinh viên nhận thức được ý nghĩa của giá trị sống ở mức độ nào? Để trả lời cho những câu hỏi này cần có sự nghiên cứu cụ thể và kết quả nghiên cứu thể hiện ở mục 3.2.

3.2 Nhận thức của sinh viên về định hướng giá trị sống

3.2.1 Hiểu biết của sinh viên về khái niệm định hướng giá trị sống

Để khảo sát sự hiểu biết của sinh viên về khái niệm giá trị sống nghiên cứu này đã đưa ra khái niệm “định hướng giá trị sống là hệ thống các giá trị được cá nhân lựa chọn, sắp xếp theo hệ thống thứ bậc mà bản thân cho là có ích, cần thiết, quan trọng; là những mong muốn trên cơ sở hệ giá trị chung của xã hội” và yêu cầu sinh viên lựa chọn theo các mức độ. Đây là khái niệm đúng về định hướng giá trị sống. Nếu sinh viên lựa chọn, biết cách sắp xếp thang giá trị theo hệ thống thứ bậc nhất định thì trong hoạt động sống khi gặp những tình huống khó khăn, những tình huống mâu thuẫn giữa các giá trị sống thì họ sẽ biết cách ưu tiên cho những giá trị quan trọng hơn. Kết quả hiểu biết của sinh viên về khái niệm giá trị sống thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 3: Nhận thức của sinh viên về khái niệm định hướng giá trị sống

Khái niệm	Mức độ	Số lượng	%	\bar{X}	Độ lệch chuẩn
Định hướng giá trị sống là hệ thống các giá trị được cá nhân lựa chọn, sắp xếp theo hệ thống thứ bậc mà bản thân cho là có ích, cần thiết, quan trọng; là những mong muốn trên cơ sở hệ giá trị chung của xã hội	Hoàn toàn không đồng ý	6	1,6	3.83	0.753
	Không đồng ý	16	4,3		
	Phân vân	60	16		
	Đồng ý	248	66		
	Rất đồng ý	46	12,2		

Kết quả Bảng 3 cho thấy với khái niệm định hướng giá trị được đưa ra có 66% sinh viên “*khá đồng ý*” chiếm tỉ lệ cao nhất, có 16% số sinh viên “*phân vân*” chiếm tỉ lệ lớn thứ hai, có 12,2% sinh viên “*rất đồng ý*” chiếm tỉ lệ thứ ba, có 4,3% sinh viên “*không đồng ý*” chiếm tỉ lệ lớn thứ tư và có 1,6% sinh viên “*hoàn toàn không đồng ý*” chiếm tỉ lệ thấp nhất. Như vậy, số sinh viên hiểu đúng về khái niệm định hướng giá trị sống chiếm tỉ lệ là 78,2%, có 21.9% số sinh viên chưa hiểu đúng về khái niệm định hướng giá trị sống. Số sinh viên chưa hiểu đúng về khái niệm định hướng giá trị sống cần có những biện pháp tác động để sinh viên

nhận thức đúng về khái niệm này.

3.2.2 Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của định hướng giá trị sống

Định hướng giá trị sống có vai trò rất quan trọng trong lựa chọn hành động cũng như kiểm soát hành động của mỗi cá nhân. Để hình thành thói quen định hướng giá trị đòi hỏi sinh viên cần nhận thức được tầm quan trọng của định hướng giá trị sống và nhận thức rõ ý nghĩa của việc định hướng giá trị. Nghiên cứu đã khảo sát 376 sinh viên để tìm hiểu mức độ nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của định hướng giá trị sống và cho kết quả ở Bảng 4.

Bảng 4: Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của định hướng giá trị sống

Tầm quan trọng của định hướng giá trị sống	Số lượng	%	\bar{X}	Độ lệch chuẩn	
Mức độ	Hoàn toàn không quan trọng	5	1,3	4.29	0.731
	Không quan trọng	5	1,3		
	Phân vân	16	4,3		
	Quan trọng	197	52,4		
	Rất quan trọng	153	40,7		
Tổng cộng	376	100			

Kết quả ở Bảng 4 cho thấy, có 52,4% sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của định hướng giá trị sống. Có 52,4% sinh viên đồng ý rằng định hướng giá trị là “quan trọng”, có 40,7% sinh viên xem việc định hướng giá trị sống là “rất quan trọng”, có 43,3% sinh viên “phân vân” chưa biết định hướng giá trị có tầm quan trọng ra sao và có 1,3% sinh viên trả lời định hướng giá trị là “không quan trọng” và “hoàn toàn không quan trọng”. Như vậy có 93,1% số sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của định hướng giá trị sống và có 6,9% số sinh viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của định hướng giá trị sống. Số sinh viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của định hướng giá trị sống có thể do chưa được sự hướng dẫn cụ thể về cách định hướng giá trị sống từ gia đình, nhà trường, xã hội. Những sinh viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của định hướng giá trị sống cần tìm hiểu rõ nguyên nhân và cần được bồi dưỡng nhận thức để nhận thấy được tầm quan trọng của định hướng giá trị sống.

3.2.3 Nhận thức của sinh viên về ý nghĩa của giá trị sống

Nhận thức được ý nghĩa của các giá trị trong cuộc sống của bản thân giúp cho sinh viên kiên trì giữ gìn những giá trị của bản thân, hiểu rõ bản thân và lý giải được nguyên nhân của hành vi từ đó mà biết lựa chọn hành vi nào là nên làm, hành vi nào không nên làm vì thế mà bản thân sống tích cực hơn. Định hướng giá trị sống trước hết giúp cho cá nhân hiểu rõ bản thân mình muốn gì, bản thân có những giá trị cần giữ gìn và bảo vệ nhờ đó mà biết cách điều chỉnh hành vi phù hợp với những giá trị của bản thân, có thể kìm hãm được những hành động làm ảnh hưởng đến giá trị sống trên cơ sở đó mà cá nhân sống tích cực hơn. Để tìm hiểu sinh viên nhận thức như thế nào về ý nghĩa của việc định hướng giá trị sống, nghiên cứu này đã liệt kê ý nghĩa của định hướng giá trị sống và khảo sát 376 sinh viên theo 5 mức độ. Kết quả khảo sát thể hiện ở Bảng 5.

Bảng 5: Nhận thức của sinh viên về ý nghĩa của định hướng giá trị sống

TT	Ý nghĩa của định hướng giá trị sống	Mức độ đồng ý					\bar{X}	Độ lệch chuẩn
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý		
1	Giúp hiểu rõ bản thân	1,1	4,3	19,4	43,6	31,6	4.01	0.882
2	Giúp điều chỉnh hành vi phù hợp	1,1	2,4	13,3	47,6	35,6	4.14	0.813
3	Biết lựa chọn hành vi phù hợp với những giá trị của bản thân	0,8	1,3	12	42,8	43,1	4.26	0.789
4	Kìm hãm được hành vi trái với giá trị sống	2,4	3,5	13,6	43,1	37,5	4.09	0.925
5	Giúp bản thân sống tích cực	0,8	1,3	7,4	26,6	63,8	4.51	0.758
Tổng							4.20	0.688

Nhìn vào Bảng 5 cho thấy, với 5 ý nghĩa định hướng giá trị được đưa ra thì có 63,8% số sinh viên “hoàn toàn đồng ý” định hướng giá trị sống giúp “bản thân sống tích cực”, có 47,6% số sinh viên “đồng ý” ý nghĩa của định hướng giá trị sống “giúp điều chỉnh hành vi phù hợp”, 43,6% “đồng ý” rằng định hướng giá trị sống “giúp hiểu rõ bản thân”, có 43,1% sinh viên “hoàn toàn đồng ý” định hướng giá trị sống giúp cá nhân “biết lựa chọn hành vi phù hợp với những giá trị của bản thân”, con số này cũng thể hiện ở mức độ “đồng ý” của sinh viên cho rằng định hướng giá trị “kìm hãm được hành vi trái với giá trị sống”. Cũng từ kết quả Bảng 5 cho thấy có 19,4% có thái độ “phân vân” không biết ý nghĩa của định hướng giá trị sống là “giúp hiểu rõ bản thân”, 13,6% “phân

vân” không nhận thức được định hướng giá trị sống có thể “kìm hãm được hành vi trái với giá trị sống”, 12% số sinh viên “phân vân” định hướng giá trị sống giúp cá nhân “biết cách lựa chọn hành vi phù hợp với những giá trị của bản thân”, và 7,4% số sinh viên “phân vân” không biết định hướng giá trị sống có thể “giúp bản thân sống tích cực”. Có từ 0,8% đến 4,3% số sinh viên “hoàn toàn không đồng ý” hoặc “không đồng ý” định hướng giá trị sống giúp “hiểu rõ bản thân”, “giúp điều chỉnh hành vi phù hợp”, giúp cá nhân “biết cách lựa chọn hành vi phù hợp với những giá trị của bản thân”, có thể “kìm hãm hành vi trái với giá trị sống” và nhờ đó mà “giúp bản thân sống tích cực”. Như vậy có 90,4% sinh viên nhận thức được ý nghĩa của định hướng giá trị là “giúp bản

thân sống tích cực”, có 85,9% số sinh viên nhận thức được ý nghĩa của định hướng giá trị sống là giúp cá nhân “*biết lựa chọn hành vi phù hợp với những giá trị của bản thân*”, 83,2% sinh viên nhận thức được ý nghĩa của định hướng giá trị sống là “*giúp điều chỉnh hành vi phù hợp*”, có 80,6% sinh viên nhận thức được định hướng giá trị sống giúp bản thân “*kìm hãm được hành vi trái với giá trị sống*” và 75,2% sinh viên nhận thức được ý nghĩa của định hướng giá trị sống “*giúp hiểu rõ bản thân*”. Vẫn còn 9,5% đến 24,8% sinh viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của định hướng giá trị sống. Số sinh viên này cần được có biện pháp để sinh viên nhận thức đúng ý nghĩa của định hướng giá trị sống đối với bản thân.

Khi có sự nhận thức đúng về khái niệm định hướng giá trị sống, nhận thức được tầm quan trọng

Bảng 6: Mức độ quan tâm định hướng giá trị sống của sinh viên

Mức độ quan tâm	Số lượng	%	\bar{X}	Độ lệch chuẩn
Hoàn toàn không quan tâm	0	0	4.02	0.674
Không quan tâm	7	1,9		
Ít quan tâm	60	16		
Quan tâm	226	60,1		
Rất quan tâm	83	22,1		
Tổng cộng	376	100		

Kết quả ở Bảng 6 cho thấy có 60,1% số sinh viên “*quan tâm*” định hướng giá trị sống, có 22,1% sinh viên “*rất quan tâm*” định hướng giá trị sống, có 16% số sinh viên “*ít quan tâm*”, có 1,9% số sinh viên “*không quan tâm*” và không có sinh viên “*hoàn toàn không quan tâm*” định hướng giá trị sống. Như vậy, có 82,2% sinh viên có thái độ phù hợp với việc định hướng giá trị sống và 17,9% số sinh viên có thái độ chưa phù hợp đối với việc định hướng giá trị sống. Có thể trong quá trình tham gia các hoạt động số sinh viên này ít gặp những tình huống mâu thuẫn đòi hỏi phải giải quyết dựa trên giá trị sống vì thế nhu cầu quan tâm đến việc định hướng giá trị sống là chưa cao. Những sinh viên có thái độ chưa phù hợp cần có

của các giá trị, nhận thức được tầm quan trọng của định hướng giá trị và ý nghĩa của định hướng giá trị là cơ sở để biết tỏ thái độ quan tâm hay không quan tâm với việc định hướng giá trị sống và các giá trị sống. Để tìm hiểu rõ sinh viên có thái độ như thế nào đối với vấn đề trên, nghiên cứu này đã thiết kế câu hỏi tìm hiểu thái độ của sinh viên và cho kết quả như ở mục 3.3.

3.3 Mức độ quan tâm của sinh viên về việc định hướng giá trị sống

3.3.1 Sinh viên quan tâm định hướng giá trị

Để tìm hiểu thái độ của sinh viên đối với việc định hướng giá trị sống, nghiên cứu này khảo sát 376 sinh viên về mức độ quan tâm định hướng giá trị sống theo 5 mức độ. Kết quả thể hiện ở Bảng 6.

những biện pháp tác động để giúp sinh viên quan tâm hơn đối với định hướng giá trị sống.

3.3.2 Thái độ của sinh viên đối với các giá trị

Có rất nhiều giá trị khác nhau và mỗi giá trị đều có vai trò ý nghĩa nhất định đối với mỗi cá nhân. Thế nhưng không phải giá trị nào cũng được sinh viên quan tâm. Tùy vào mục tiêu của mỗi cá nhân mà sự quan tâm đến các giá trị nhiều hơn hay ít hơn. Để biết rõ sinh viên đang quan tâm đến những giá trị nào, những giá trị sống nào được sinh viên quan tâm nhiều nhất nghiên cứu này cũng đã liệt kê 31 giá trị liên quan đến những phẩm chất trong nhân cách và yêu cầu sinh viên nói rõ mức độ quan tâm của bản thân với từng giá trị và kết quả thể hiện rõ ở Bảng 7.

Bảng 7: Mức độ quan tâm của sinh viên đối với các giá trị

TT	Các giá trị	Mức độ quan tâm					\bar{X}	Thứ hạng
		Hoàn toàn không quan tâm	Không quan tâm	Ít quan tâm	Khá quan tâm	Rất quan tâm		
1.	Hạnh phúc	0.3	2.7	10.4	22.3	64.4	4.48	1
2.	Tự do	0.3	2.4	12.8	21.5	63	4.45	2
3.	Yêu nước	1.6	2.4	10.9	21	64.1	4.44	3
4.	Danh dự	1.1	2.9	10.9	25.3	59.8	4.40	4
5.	Trách nhiệm	0.5	1.6	9.0	35.4	53.5	4.39	5
6.	Hòa bình	1.1	2.9	14.9	21.5	59.6	4.36	6
7.	Biết ơn	0.3	2.1	12.8	31.6	53.2	4.35	7
8.	Trung thực	0.8	2.4	12	32.4	52.4	4.33	8
9.	Tự trọng	0.5	2.7	14.4	31.4	51.1	4.30	9
10.	Biết yêu thương	1.1	4.3	12.5	27.7	54.5	4.30	10
11.	Sống độc lập	0.5	3.7	17.3	34	44.4	4.18	11
12.	Bình đẳng	0.8	5.6	16.8	29.5	47.3	4.17	12
13.	Đoàn kết	1.3	1.3	17.8	37.8	41.8	4.17	13
14.	Năng động, sáng tạo	1.1	4.3	16.5	36.4	41.8	4.14	14
15.	Kiên trì	0.5	3.7	17.6	38.6	39.6	4.13	15
16.	Công lý	0.8	4.3	20.2	31.6	43.1	4.12	16
17.	Tính kỷ luật cao	1.3	4.5	16	38.6	39.6	4.11	17
18.	Trung thành	1.6	3.2	17.6	40.4	37.2	4.08	18
19.	Hợp tác	1.1	2.4	18.1	44.7	33.8	4.08	19
20.	Chăm chỉ	1.3	4.3	18.9	38.6	37	4.06	20
21.	Tiết kiệm	2.4	2.9	19.7	36.7	38.3	4.06	21
22.	Thận trọng	0.8	3.2	21.8	39.1	35.1	4.05	22
23.	Khiêm tốn	0.3	4.0	21.5	42.3	31.9	4.02	23
24.	Tự tin	1.6	5.1	22.1	36.7	34.6	3.98	24
25.	Có tâm hồn trong sáng	2.7	5.1	22.1	31.6	38.6	3.98	25
26.	Tích cực hoạt động	1.1	5.3	22.6	38.3	32.7	3.96	26
27.	Cởi mở	0.5	6.1	26.6	34.3	32.4	3.92	27
28.	Khoan dung	1.1	4.3	25.3	40.7	28.7	3.92	28
29.	Kín đáo	1.6	6.4	27.7	35.9	28.5	3.83	29
30.	Giản dị	1.1	6.4	30.9	35.9	25.8	3.79	30
31.	Biết hy sinh	1.3	6.9	28.2	40.4	23.1	3.77	31
Tổng							4.29	

Kết quả nghiên cứu ở Bảng 7 cho thấy sinh viên rất quan tâm đến các giá trị đã đưa ra với \bar{X} = 4.29. Kết quả cũng cho thấy nếu như “*hạnh phúc*” là giá trị được sinh viên xếp ở vị trí thứ 4 trong bảng kết quả ở Bảng 2 thì kết quả ở Bảng 7 giá trị “*hạnh phúc*” được quan tâm hàng đầu tính theo điểm trung bình (\bar{X}). Có 5 giá trị sinh viên quan tâm cao nhất là “*hạnh phúc*” (64.4%), “*tự do*” (63%), “*yêu nước*” (64.1%), “*danh dự*” (59.8%) và “*trách nhiệm*” (53.5%). Bảng 7 cũng cho thấy 5 giá trị mà sinh viên quan tâm ít nhất là “*cởi mở*” (32.4%), “*khoan dung*” (28.7%), “*kín đáo*” (28.5%), “*giản dị*” (25.8%), “*biết hy sinh*” (23.1%). Năm giá trị sinh viên ít quan tâm hơn là “*cởi mở*” (32.4%), “*khoan dung*” (28.7%), “*kín*

đáo” (28.5%), “*giản dị*” (25.8%), “*biết hy sinh*” (23.1%).

Như vậy, phần lớn sinh viên có thái độ tích cực với các giá trị sống. Đây là một trong những động lực giúp sinh viên thực hiện định hướng giá trị sống, thể hiện giá trị sống và giữ gìn những giá trị mà bản thân đã lựa chọn. Tuy nhiên trong thực tế, việc chuyển từ cái mình thích, cái mình quan tâm thành hành động là quá trình lâu dài và khó khăn. Sinh viên có thường xuyên định hướng giá trị sống, sinh viên có biết cách định hướng giá trị sống không và thể hiện những giá trị mà mình lựa chọn ở mức độ nào? Nghiên cứu tiếp theo sẽ trả lời cho câu hỏi này.

3.4 Định hướng giá trị sống của sinh viên

3.4.1 Mức độ định hướng giá trị sống của sinh viên

Định hướng giá trị sống giúp cho sinh viên biết cách điều chỉnh hành động, hoạt động phù hợp với

Bảng 8: Sinh viên định hướng giá trị sống

STT	Mức độ định hướng giá trị sống	Số lượng	%	\bar{X}	Độ lệch chuẩn
1	Không bao giờ	2	0,5	3.47	0.718
2	Hiếm khi	25	6,6		
3	Thỉnh thoảng	163	43,4		
4	Thường xuyên	167	44,4		
5	Rất thường xuyên	19	5,1		

Nhìn vào kết quả ở Bảng 8 cho thấy có 44,4% sinh viên “*thường xuyên*” định hướng giá trị sống, có 43,4% chỉ “*thỉnh thoảng*” định hướng giá trị sống, có 6,6% “*hiếm khi*” định hướng giá trị sống, có 5,1% “*rất thường xuyên*” định hướng giá trị sống và 0,5% số sinh viên “*không bao giờ*” định hướng giá trị sống. Điểm trung bình mức độ định hướng giá trị sống là \bar{X} 3.47. Mỗi giai đoạn lứa tuổi có những hoạt động chủ đạo ảnh hưởng đến sự lựa chọn giá trị sống. Mỗi cá nhân trong cuộc sống cần xác định mục tiêu sống trong từng giai đoạn lứa tuổi. Tùy theo tính chủ thể, hoàn cảnh sống, điều kiện sống... mà có những định hướng giá trị sống khác nhau vì vậy cần phải thường xuyên lựa chọn giá trị sống và sắp xếp giá trị sống theo một thang thứ bậc nhất định. Sinh viên thường xuyên định hướng được những giá trị quan trọng trong cuộc sống của bản thân mới biết bản thân cần giữ gìn và bảo vệ giá trị sống nào. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến việc sinh viên “*thỉnh thoảng*” định hướng giá trị sống hoặc “*không bao giờ*” thực hiện hành động này. Có thể sinh viên chưa được hướng dẫn cách định hướng giá trị sống hoặc cũng có thể sinh viên chưa hiểu rõ bản thân cần những giá trị sống nào. Để lý giải điều này cần tìm hiểu rõ nguyên

những giá trị sống mà bản thân cho là quan trọng cần giữ gìn. Để tìm hiểu mức độ định hướng giá trị sống của sinh viên nghiên cứu này đã khảo sát trên 376 sinh viên theo 5 mức độ và cho kết quả ở Bảng 8.

nhân sinh viên không thực hiện hành động định hướng giá trị sống hoặc chỉ “*thỉnh thoảng*” mới thực hiện. Ngoài ra, cũng cần nghiên cứu kỹ sinh viên thực hiện hành động định hướng giá trị sống theo cách nào.

3.4.2 Cách sinh viên định hướng giá trị sống

Khó khăn lớn nhất đối với sinh viên là thực hiện những hành động định hướng giá trị sống. Khi được hỏi “*Bạn có liệt kê những giá trị sống mà mình cho là quan trọng và sắp xếp chúng theo thứ tự nhất định không?*” thì đa số sinh viên chỉ trả lời “*không*”. Khi thực hiện hành động định hướng giá trị sống trước hết sinh viên cần liệt kê tất cả những giá trị mà bản thân biết sau đó cần xem xét những giá trị đó có ý nghĩa đối với mình và xã hội không và lý giải được vì sao lựa chọn những giá trị phù hợp với bản thân phù hợp với giá trị xã hội và cuối cùng là sắp xếp các giá trị mà bản thân lựa chọn theo thứ tự ưu tiên. Để tìm hiểu thực trạng cách định hướng giá trị sống của sinh viên nghiên cứu này liệt kê tất cả những hành động cần thực hiện khi định hướng giá trị sống. Điều tra trên 376 sinh viên theo 5 mức độ, kết quả thể hiện ở Bảng 9.

Bảng 9: Cách định hướng giá trị sống của sinh viên

TT	Hành động định hướng giá trị sống	Mức độ thường xuyên					\bar{X}	SD
		Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên		
1	Liệt kê tất cả những giá trị bản thân biết	7,2	16	46	21	9,8	3.10	1.021
2	Xem xét những giá trị đó có ý nghĩa đối với bản thân	1,3	8,5	29,3	44,9	16	3.65	0.89
3	Xem xét những giá trị đó có ý nghĩa đối với xã hội	2,4	9,3	30,9	43,1	14,4	3.57	0.929
4	Lựa chọn hình thành những giá trị bản thân cho là quan trọng	0,8	4,3	22,9	48,4	23,7	3.89	0.836
5	Lựa chọn hình thành những giá trị thầy cô cho là quan trọng	3,2	10,6	39,4	35,4	11,4	3.41	0.936
6	Lựa chọn hình thành những giá trị gia đình cho là quan trọng	2,4	4,8	29	40,7	23,1	3.77	0.937
7	Xem xét những giá trị bản thân cho là quý giá và cần theo đuổi, giữ gìn	0,8	3,2	18,6	42,6	34,8	4.07	0.854
8	Xem xét những giá trị đó có luôn chi phối hành động của bản thân không	0,5	3,7	23,9	45,7	26,1	3.93	0.832
9	Sắp xếp các giá trị theo thứ tự ưu tiên	4,3	5,1	29,8	34,8	26,1	3.73	1.037
Tổng							3.68	0.653

Kết quả ở Bảng 9 cho thấy có 48,4% sinh viên “*thường xuyên*” lựa chọn hình thành những giá trị bản thân cho là quan trọng, có 46% sinh viên chỉ “*thỉnh thoảng*” liệt kê tất cả những giá trị bản thân biết, có 45,7% sinh viên “*thường xuyên*” xem xét những giá trị có chi phối hành động của bản thân không khi thực hiện hành động định hướng giá trị sống, có 44,9% sinh viên “*thường xuyên*” xem xét những giá trị đó có ý nghĩa đối với bản thân khi thực hiện hành động định hướng giá trị sống, có 43,1% sinh viên thường xuyên xem xét những giá trị sống có ý nghĩa xã hội trong khi thực hiện hành động định hướng giá trị, có 42,6% sinh viên “*thường xuyên*” luôn xem xét ý kiến của thầy cô khi thực hiện hành động định hướng giá trị sống, có 40,7% sinh viên “*thường xuyên*” thực hiện hành động định hướng giá trị chịu ảnh hưởng từ gia đình. Như vậy, có từ 0,8% đến 39,4% sinh viên “*không bao giờ*” hoặc chỉ “*thỉnh thoảng*” thực hiện hành động định hướng giá trị sống theo đúng phương pháp. Điểm trung bình sinh viên biết cách định hướng giá trị sống là 3.68. Từ số liệu trên cho thấy đa số sinh viên “*thường xuyên*” định hướng theo cách “*xem xét những giá trị bản thân cho là quý giá*” mà ít “*liệt kê tất cả những giá trị mà bản thân biết*”, ít “*lựa chọn những giá trị thầy cô cho là quan trọng*”, ít “*xem xét những giá trị đó có ý nghĩa xã hội*” và “*có ý nghĩa với bản thân*”. Mặc dù giá trị sống của cá nhân do chính mình lựa

chọn. Tuy nhiên, những giá trị sống mà mỗi cá nhân lựa chọn phải phù hợp với thang giá trị xã hội do đó khi định hướng giá trị sống cần phải xem xét những giá trị liên quan đến bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội. Mặt khác phải xem xét kỹ những giá trị đó có thực sự quan trọng, quý giá đáng giữ gìn. Những giá trị đó có luôn chi phối hành động của bản thân trong cuộc sống không. Nhưng trước hết cần phải liệt kê tất cả những giá trị mà bản thân biết. Rất khó để định hướng giá trị sống nếu bản thân chưa biết có những giá trị nào bản thân biết hoặc có những giá trị nào rất quan trọng mà bản thân chưa biết. Số sinh viên chưa biết cách định hướng giá trị sống có thể do có chỉ dẫn cụ thể nào về cách định hướng giá trị sống vì vậy cần tìm hiểu rõ nguyên nhân để có những biện pháp hướng dẫn sinh viên hình thành kỹ năng định hướng giá trị sống. Chọn được những giá trị sống mà bản thân cho là quan trọng mới biết cách thể hiện những giá trị ấy trong cuộc sống. Sinh viên thể hiện những giá trị sống bản thân cho là quan trọng ở mức độ nào? Mục 3.4.3 sẽ trả lời cho câu hỏi này.

3.4.3 Mức độ sinh viên thể hiện các giá trị

Những giá trị được mỗi cá nhân lựa chọn làm mục tiêu sống luôn dựa trên sự nhận thức sâu sắc về giá trị, xem xét những giá trị đó có ý nghĩa với bản thân, có ý nghĩa với gia đình, xã hội. Để tìm hiểu mức độ sinh viên thể hiện giá trị nghiên cứu này đã trình bày 31 giá trị khảo sát 367 sinh viên

theo 5 mức độ (mức 1 = không bao giờ, mức 2 = hiếm khi, mức 3 = phân vân, mức 4 = thường xuyên, mức 5 = rất thường xuyên) và cho kết quả ở Bảng 10.

Bảng 10: Mức độ sinh viên thể hiện các giá trị sống

TT	Các giá trị	Mức độ					\bar{X}	Thứ hạng
		1	2	3	4	5		
1	Danh dự	0.3	3.2	11.4	28.7	56.4	4.38	1
2	Tự do	0.5	4.3	14.4	26.3	54.5	4.30	2
3	Biết ơn	0.3	1.9	15.7	31.9	50.3	4.30	3
4	Tự trọng	0	2.1	17.8	33	47.1	4.25	4
5	Yêu nước	1.1	5.6	13	25.5	54.8	4.27	5
6	Hạnh phúc	0.8	3.2	15.4	30.3	50.3	4.26	6
7	Hòa bình	1.1	5.1	17.3	23.1	53.5	4.23	7
8	Trách nhiệm	0.0	4.8	12.0	38.3	44.9	4.23	8
9	Biết yêu thương	0.8	5.6	15.4	31.9	46.3	4.17	9
10	Trung thực	1.3	3.2	17	41.5	37	4.10	10
11	Bình đẳng	0.8	6.1	16.8	35.6	40.7	4.09	11
12	Đoàn kết	2.1	3.5	18.4	41	35.1	4.03	12
13	Trung thành	0.8	4.8	22.9	38.6	33.0	3.98	13
14	Sống độc lập	1.9	7.2	20.2	32.2	38.6	3.98	14
15	Hợp tác	1.1	3.7	23.4	43.9	27.9	3.94	15
16	Công lý	1.3	5.3	27.4	30.6	35.4	3.93	16
17	Có tâm hồn trong sáng	2.4	7.4	20.8	32.7	35.6	3.92	17
18	Tính kỷ luật cao	1.3	4.8	24.7	38.8	30.3	3.92	18
19	Khiêm tốn	0	4.8	25	44.1	26.1	3.91	19
20	Kiên trì	1.9	4.8	26.1	36.2	31.1	3.90	20
21	Thận trọng	0.8	4.3	27.7	39.1	28.2	3.89	21
22	Kín đáo	1.6	6.1	26.3	35.9	30.1	3.87	22
23	Tiết kiệm	1.3	6.4	24.7	39.4	28.2	3.87	23
24	Năng động, sáng tạo	0.5	8.2	26.1	36.7	28.5	3.84	24
25	Tích cực hoạt động	2.1	5.9	25.8	38.8	27.4	3.83	25
26	Chăm chỉ	1.9	7.2	28.2	35.1	27.7	3.79	26
27	Khoan dung	1.3	8.2	29	35.1	26.3	3.77	27
28	Cởi mở	1.3	9.0	29.3	33.2	27.1	3.76	28
29	Giản dị	1.9	6.6	27.9	41.8	21.8	3.75	29
30	Tự tin	1.1	8.2	35.4	33.5	21.8	3.67	30
31	Biết hy sinh	2.7	8.2	32.4	37.0	19.7	3.63	31
Tổng							3.99	

Kết quả Bảng 10 cho thấy, các giá trị sinh viên thường xuyên thể hiện là “danh dự”, “tự do”, “biết ơn”, “tự trọng”, “yêu nước”. Năm giá trị sinh viên thể hiện ở mức độ thấp là “khoan dung”, “cởi mở”, “giản dị”, “tự tin” và “biết hy sinh”. Điểm trung bình mức độ thể hiện các giá trị của sinh viên là $\bar{X} = 3.99$. Có từ 0.1% đến 2.7% số sinh viên không bao giờ thể hiện các giá trị đã đưa ra và có từ 1.9% đến 9% số sinh viên “hiếm khi” thể hiện các giá trị và có từ 11.4% đến 35.4% số sinh viên “phân vân” không biết bản thân có thể hiện những giá trị đã đưa ra. “Danh dự” là một trong những giá trị truyền thống thể hiện tính cách dân tộc “đói cho sạch rách cho thơm” vì vậy sinh viên thể hiện giá trị danh dự ở mức độ cao cũng là một

lẽ hiển nhiên. Trong cuộc sống mỗi cá nhân đều hướng đến sự tự do vì vậy giá trị này được sinh viên thể hiện ở mức độ cao cũng dễ hiểu. Ngay từ nhỏ, mỗi người Việt Nam đều được dạy giá trị của lòng “biết ơn”. Biết ơn thầy cô “tôn sư trọng đạo”, biết ơn cha mẹ “công cha như núi Thái Sơn”, biết ơn những người đã tạo dựng cuộc sống hôm nay “ăn một bát cơm nhớ người cày ruộng” vì vậy giá trị này trở thành truyền thống tốt đẹp của con người Việt Nam nói chung và của thế hệ trẻ nói riêng. Có những giá trị sinh viên thể hiện ở mức độ cao và có những giá trị sinh viên thể hiện ở mức độ trung bình. Khó khăn lớn nhất trong quá trình định hướng giá trị sống là thể hiện các giá trị ra bằng hành động. Vì vậy, điểm trung bình mức độ thể hiện các giá trị sống ($\bar{X}=3.99$) thấp hơn so với điểm

trung bình nhận thức tầm quan trọng của các giá trị $\bar{X}= 4.14$) nhưng sinh viên lại quan tâm các giá trị ở mức độ cao ($\bar{X}= 4.29$). Từ kết quả này, cần có những hoạt động và những hướng dẫn cụ thể để sinh viên thể hiện các giá trị trong cuộc sống mà bản thân cho là quan trọng.

3.5 Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị sống

Gia đình – nhà trường – xã hội là những lực lượng đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục

nhân cách cho sinh viên và là yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị sống của mỗi cá nhân. Để tìm hiểu nhận thức của sinh viên về các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị sống của sinh viên, nghiên cứu này đã liệt kê 13 item và yêu cầu sinh viên chọn theo 5 mức độ. Trong đó, từ item số 1 – 4 là những yếu tố thuộc về gia đình; từ item số 5 – 9 là những yếu tố thuộc về nhà trường và item 10 – 13 là những yếu tố thuộc về xã hội. Khảo sát 376 sinh viên cho được kết quả như ở Bảng 11.

Bảng 11: Nhận thức của sinh viên về các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị sống

TT	Các yếu tố	Mức độ ảnh hưởng					\bar{X}	SD
		Hoàn toàn không ảnh hưởng	Không ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Khá ảnh hưởng	Rất ảnh hưởng		
Từ phía gia đình								
1	Truyền thống của gia đình	4,3	6,9	17,8	34	37	3.93	1.097
2	Sự gương mẫu của ông bà, cha mẹ	1,1	2,9	12,8	37,8	45,5	4.236	0.860
3	Cách giáo dục của gia đình	0,5	2,1	11,2	33,2	52,9	4.35	0.804
4	Nề nếp sinh hoạt trong gia đình	0,5	1,9	15,2	39,9	42,6	4.22	0.807
Tổng							4.18	0.737
Từ phía nhà trường								
5	Sự gương mẫu của thầy cô	1,9	3,7	20,2	40,2	34	4.01	0.928
6	Cách giáo dục của thầy cô	1,6	2,4	20,5	42,6	33	4.029	0.880
7	Các hoạt động trong nhà trường	1,3	9,3	23,9	38,8	26,6	3.10	0.979
8	Các hoạt động Đoàn, Hội	4,5	7,7	29,8	37,2	20,7	3.62	1.038
9	Mối quan hệ bạn bè	1,9	3,2	16,5	43,4	35,1	4.06	0.899
Tổng							3.90	0.723
Từ phía xã hội								
10	Phim ảnh	5,6	14,9	34,6	28,5	16,5	3.35	1.092
11	Mạng internet	5,6	14,1	35,4	28,5	16,5	3.36	1.086
12	Tôn giáo	16,2	18,1	28,2	23,9	13,6	3.00	1.271
13	Xu hướng xã hội	6,1	9,3	27,9	34	22,6	3.57	1.119
Tổng							3.32	0.886

Gia đình là môi trường xã hội đầu tiên mỗi người lĩnh hội hệ thống giá trị xã hội. Mỗi gia đình có truyền thống khác nhau, có những cách thức giáo dục và nề nếp sinh hoạt khác nhau. Môi trường gia đình thuận lợi mỗi cá nhân đều hấp thu những giá trị sống tốt đẹp từ gia đình. Kết quả Bảng 11 cho thấy đa số sinh viên đều nhận thấy được gia đình ảnh hưởng đến định hướng giá trị sống của sinh viên trong đó, “*cách giáo dục của gia đình*” có ảnh hưởng cao nhất chiếm 52,9%, kế tiếp là “*sự gương mẫu của ông bà cha mẹ*” chiếm 45,5%, xếp vị trí thứ ba là “*nề nếp sinh hoạt trong gia đình*” chiếm 42,6% và cuối cùng là “*truyền thống của gia đình*”. Nhà trường mà trong đó sự gương mẫu của thầy cô, cách giáo dục của thầy cô, các hoạt động trong nhà trường, các hoạt động Đoàn, Hội luôn giữ vai trò chủ đạo trong việc định

hướng giá trị sống của sinh viên, bên cạnh đó, ở trường học sinh viên còn có những mối quan hệ bạn bè. Từ số liệu ở Bảng 11 cho thấy, trong 5 yếu tố từ phía nhà trường thì sinh viên cho rằng “*mối quan hệ bạn bè*” rất ảnh hưởng đến định hướng giá trị sống của bản thân (35,1%), kế đến là “*sự gương mẫu của thầy cô*” (34%), “*cách giáo dục của thầy cô*” (33%), “*các hoạt động trong nhà trường*” (26,6%) và cuối cùng là “*các hoạt động Đoàn, Hội*” (20,7%). Bảng 11 cũng cho thấy trong 4 yếu tố xã hội đã liệt kê thì nhiều sinh viên “*phân vân*” không rõ có ảnh hưởng đến định hướng giá trị sống của bản thân. Trong đó, có 35,4% số sinh viên “*phân vân*” với yếu tố “*thông tin từ mạng internet*”, có 34,6% số sinh viên “*phân vân*” yếu tố từ “*phim ảnh*”, có 28,2% số sinh viên “*phân vân*” yếu tố “*tôn giáo*” ảnh hưởng đến định hướng

giá trị sống. Nhiều sinh viên thừa nhận rằng “xu hướng xã hội” rất ảnh hưởng đến định hướng giá trị sống của bản thân, có 16,5% số sinh viên cho rằng “phim ảnh” và “thông tin từ mạng internet” ảnh hưởng đến định hướng giá trị sống của bản thân, chỉ có 13,6% số sinh viên thừa nhận “tôn giáo” ảnh hưởng đến định hướng giá trị sống của bản thân. Vẫn còn 5,6% đến 18,1% số sinh viên chưa nhận thấy được các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến định hướng giá trị sống của bản thân. Từ kết quả trên cho thấy, cần có những biện pháp quản lý xã hội để những yếu tố xã hội tác động tích cực đến định hướng giá trị sống của sinh viên. Những sinh viên chưa nhận thức được vai trò của yếu tố xã hội đối với định hướng giá trị sống cần có những biện pháp cụ thể giúp sinh viên nhận thức tốt hơn.

Tóm lại đa số sinh viên nhận thức được các yếu tố gia đình, nhà trường, xã hội đều ảnh hưởng đến định hướng giá trị sống của bản thân. Trong đó, đa số sinh viên đề cao yếu tố gia đình, truyền thống của gia đình, sự gương mẫu của ông bà, nề nếp sinh hoạt, đặc biệt là cách giáo dục của cha mẹ. Ngoài gia đình thì trường học là ngôi nhà thứ hai của sinh viên, là môi trường thuận lợi rèn luyện bản thân. Đa số sinh viên cũng nhận thức được, cách giáo dục, sự gương mẫu của thầy cô, các hoạt động trong nhà trường có ảnh hưởng đến định hướng giá trị sống của bản thân trong đó đa số sinh viên đề cao sự ảnh hưởng từ bạn bè. Ngoài yếu tố gia đình, nhà trường thì yếu tố xã hội như phim ảnh trên truyền hình, mạng xã hội, tôn giáo, xu hướng của xã hội cũng ảnh hưởng đến sự lựa chọn giá trị sống của sinh viên. Từ thực trạng trên cho thấy, gia đình – nhà trường – xã hội có ảnh hưởng đến định hướng giá trị sống của sinh viên vì vậy cần có những biện pháp để giáo dục giá trị sống cho sinh viên một cách thích hợp.

4 KẾT LUẬN

4.1 Kết luận

Giá trị sống là những mong muốn, là điều cá nhân cho là quan trọng, có ích, có ý nghĩa, cần thiết trong cuộc sống của bản thân cần được giữ gìn bảo vệ trên cơ sở lựa chọn những giá trị chung của xã hội. Định hướng giá trị sống là hệ thống các giá trị được cá nhân lựa chọn, sắp xếp theo hệ thống thứ bậc mà bản thân cho là có ích, cần thiết, quan trọng; là những mong muốn trên cơ sở hệ giá trị chung của xã hội. Định hướng giá trị sống chịu ảnh hưởng của các yếu tố gia đình, nhà trường, xã hội. Kết quả nghiên cứu cho thấy đa số sinh viên

Trường Đại học Cần Thơ hiểu đúng về khái niệm giá trị sống và định hướng giá trị sống. Đa số sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của các giá trị sống. Năm giá trị sống mà sinh viên xem trọng được xếp vị trí cao là giá trị yêu nước, giá trị trách nhiệm, giá trị tự do, giá trị hạnh phúc và giá trị danh dự. Nhiều sinh viên có thực hiện hành động định hướng giá trị sống. Còn nhiều sinh viên chưa hiểu đúng về khái niệm giá trị sống và định hướng giá trị sống. Đa số sinh viên đều quan tâm đến định hướng giá trị sống. Nhiều sinh viên có thực hiện hành động định hướng giá trị sống tuy nhiên vẫn còn khá nhiều sinh viên chưa biết cách định hướng giá trị sống và mức độ thể hiện giá trị sống chưa cao. Hầu như đa số sinh viên thấy được gia đình, nhà trường và xã hội ảnh hưởng đến định hướng giá trị sống của bản thân. Từ thực trạng vấn đề đặt ra là cần phải có những biện pháp tác động để nâng cao nhận thức của sinh viên hiểu biết chưa đúng về giá trị sống và định hướng giá trị, hướng dẫn sinh viên biết cách định hướng giá trị sống, từ đó giúp sinh viên biết lựa chọn những giá trị sống phù hợp cho bản thân.

4.2 Đề xuất

Để nâng cao kỹ năng định hướng giá trị sống cho sinh viên Trường Đại học Cần Thơ cần tích hợp nội dung định hướng giá trị thông qua môn học và thường xuyên tổ chức các chuyên đề định hướng giá trị sống (theo từng chủ đề) cho sinh viên Trường Đại học Cần Thơ. Mỗi biện pháp cần xác định rõ mục đích, nội dung, điều kiện thực hiện của từng biện pháp.

Mặc dù đã khái quát bức tranh chung về định hướng giá trị sống của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ nhưng nghiên cứu này còn một số hạn chế như: quy mô khảo sát còn ít so với số lượng sinh viên tại Trường Đại học Cần Thơ đồng thời cũng chưa đủ điều kiện để có thể nghiên cứu giá trị sống ở góc độ là phẩm chất trí tuệ trong nhân cách và chưa thể tổ chức thử nghiệm các biện pháp đã đề xuất. Tuy nhiên, mục tiêu của đề tài này chỉ hướng đến khái quát bức tranh chung về định hướng giá trị sống của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ và những giá trị sống dưới góc độ phẩm chất của nhân cách được lựa chọn để nghiên cứu, vì vậy kết quả đạt được như mong đợi so với mục tiêu đề ra. Để nghiên cứu sâu về vấn đề này đòi hỏi cần có sự hỗ trợ từ phía nhà trường, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên, các bên liên quan để đề tài tiếp tục được thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Diane Tillman (Đỗ Ngọc Khanh, Thanh Tùng, Minh Tươi dịch), 2010. Giá trị sống dành cho tuổi trẻ. NXB Tổng hợp TP HCM.
- Phạm Minh Hạc và Thái Duy Tuyên, 2012. Định hướng giá trị con người Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập. NXB Chính trị Quốc gia.
- Phạm Minh Hạc, 2012. Giá trị học - Cơ sở lý luận góp phần đúc kết, xây dựng giá trị chung của người Việt Nam thời nay. NXB Dân trí.
- Nguyễn Công Khanh, 2012. Phương pháp giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Phạm Thành Nghị, 2013. Tâm lý học giáo dục. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Huỳnh Văn Sơn (chủ biên), Trần Thị Thu Mai và Nguyễn Thị Tứ, 2012. Giáo trình Tâm lý học giáo dục đại học. NXB Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
- Hà Nhật Thăng, 2000. Giáo dục hệ thống giá trị đạo đức nhân văn. NXB Giáo dục.
- Tsunesaburo Makiguchi, 1994. Giáo dục vì cuộc sống sáng tạo. NXB Đại học Tổng hợp TP HCM.
- Thái Duy Tuyên, 2001. Giáo dục học hiện đại. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.